TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày 19- 5-2020
V/v: *tranh chấp yêu cầu ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hà
Bà Bùi Thị Kim Thủy

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trương Thị Hoàn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Tùng Lâm- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp yêu cầu ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Phương T- sinh năm: 1990

Địa chỉ: 9Ô3/11 khu phố H, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

Bị đơn: Ông Phan Ngọc T1- sinh năm: 1982

Địa chỉ: 9Ô3/11 khu phố H, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 12 năm 2019 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Trần Thị Phương T trình bày:

Nguyên vào năm 2013, bà Trần Thị Phương T và ông Phan Ngọc T1 tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 146 ngày 25-6-2013).

Qúa trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, ông T không quan tâm chăm lo cho cuộc sống gia đình. Vì vậy, đời sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc. Hiện nay, mặc dù hai vợ chồng còn ở chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, không có sự yêu thương, chăm sóc và chia sẽ lẫn nhau. Nay, bà T xác định vợ chồng mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là Phan Thị Phương V, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2018. Hiện nay, cháu V đang sống chung với hai vợ chồng. Nay, nếu ly hôn, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định hai vợ chồng không có tài sản chung cũng như nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Phan Ngọc T1 tại bản khai đề ngày 24 tháng 02 năm 2020 trình bày:

Ông T1 khai thống nhất với lời trình bày của bà T ở trên về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì theo ông T1 là do bất đồng trong quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã. Do đó, vợ chồng chung sống với nhau nhưng không vui vẻ, hạnh phúc, mạnh ai nấy sống. Nay, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên ông T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông T1 xác định vợ chồng có 01 con chung là Phan Thị Phương V, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2018. Nay, ông T1 đồng ý giao cháu V cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Nguyên và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng pháp luật.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Phan Ngọc T1 hiện nay có nơi sinh sống, làm việc tại huyện Đất Đỏ nên căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông T1.

[2] Về nội dung:

[2.1] **Về yêu cầu ly hôn:**

Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Phương T và ông Phan Ngọc T1 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu. Do vậy, theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đủ cơ sở xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà T và ông T1 đều xác định xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, không có sự yêu thương, chia sẽ lẫn nhau.Vì vậy, chung sống không mang lại hạnh phúc. Qua yêu cầu của bà T thì ông T1 đồng ý ly hôn.

Xét, mâu thuẫn của vợ chồng bà T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và hai bên đều thuận tình ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Trần Thị Phương T ly hôn với ông Phan Ngọc T1.

[2.2] **Về con chung**: Bà Trần Thị Phương T và ông Phan Ngọc T1 xác định có với nhau con chung là cháu tên Phan Thị Phương V, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2018. Xét, cháu V dưới 36 tháng tuổi, đang cần được sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp từ mẹ đồng thời ông T1 tự nguyện giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu V cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Bà T không có yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] **Về tài sản chung, nợ chung**: Bà T và ông T1 đều xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị Phương T phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Phan Ngọc T1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 85 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho bà Trần Thị Phương T ly hôn với ông Phan Ngọc T1.

2. *Về nuôi con chung*:

2.1. Giao con chung là cháu tên Phan Thị Phương V, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2018 cho bà Trần Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, bà T và ông T1 đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*:

- Bà Trần Thị Phương T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số TU/2019/0002402 ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

- Ông Phan Ngọc T1 không phải chịu tiền án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Đất Đỏ;
- UBND thị trấn Phước Hải;
- Các đương sự;
- Lưu:VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI THẨM XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh Tuyền